TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2026/HS-PT
Ngày 15 tháng 01 năm 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn N - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 355/2025/TLPT-HS ngày 17/10/2025; do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2025/HS-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 958/2025/QĐXXPT-HS ngày 31/12/2025, đối với:

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T;** giới tính: nam; Tên gọi khác: không, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1979, tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang). Nơi thường trú: ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là Đặc khu P, tỉnh An Giang). Tạm trú: khu phố D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Nai). Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Số CCCD: 091079014283, cấp ngày 07 tháng 10 năm 2022. Nơi cấp: Cục Q về trật tự xã hội Bộ C1. Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: thợ hồ; họ tên cha Lê Văn M, sinh năm 1948, họ tên mẹ Lê Thị S, sinh năm 1950; bị cáo có vợ Lê Thị N1, sinh năm 1980; có 01 người con sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2016/HSST ngày 25/5/ 2016, Lê Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xử phạt 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự (đã chấp hành xong bản án).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/6/2024 đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Đoàn Trọng N2 - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị hại:* 1. Ông Nguyễn Xuân M1, sinh năm 1964 (có mặt);

2. Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng trú địa chỉ: Khu phố D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Nai).

(Ngoài ra, trong vụ án có 02 người làm chứng Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 10/6/2024, sau khi đi uống nhiều rượu về, Lê Văn T đến quán cà phê (không đề tên) của bạn gái tên Huỳnh Thị T2 tại Khu phố D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Nai). Khi đến cửa quán cà phê, T gặp vợ chồng bà Vũ Thị T1 và ông Nguyễn Xuân M1 (nhà ông Mai S1 bên cạnh quán cà phê của chị T2). Lúc này, T với vợ chồng ông M1, bà T1 xảy ra cãi nhau về việc gia đình ông M1 để bảng sửa xe máy qua phần đất quán Cà phê của chị T2 thuê. Trong lúc cãi nhau, T dùng tay xô đẩy ông M1 thì ông M1 chạy vào nhà lấy 01 con dao dạng dao rựa có đặc điểm: dài 73cm, cán bằng tre tròn dài 51 cm, đường kính 3cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 22cm, phần rộng nhất của bản dao 6cm rồi dùng cán dao thục vào bụng của T nhưng không gây thương tích, sau đó T và ông M1 tiếp tục cãi nhau thì được chị Huỳnh Thị T2 và anh Nguyễn Xuân T3 can ngăn và lôi T về quán Cà phê nên cả hai dừng không tiếp tục xô xát, cãi nhau nữa. T đi về quán chị T2, lúc này do vẫn còn bực tức nên T chạy vào trong nhà chị T2 lấy một con dao (dạng dao bầu), có đặc điểm: dài 37cm, phần cán dao hình tròn dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại có mũi nhọn dài 24cm, phần rộng nhất của bản dao rộng 11cm (chị T2 có can ngăn nhưng không được) rồi tiếp tục chạy sang nhà ông M1, thấy bà T1 đang đứng ở sân nhà, bị cáo chém 1 nhát vào vùng đầu của bà T1 làm bà T1 ngã xuống đất, sau đó T chạy về phía ông M1 thấy vợ mình là bà T1 bị T chém, ông Mai T4 vẫn còn cầm con dao rựa chạy lại chỗ T đang chém bà T1 thì bị T dùng dao chém nhiều nhát vào vùng đầu và tay của ông M1 gây thương tích. Khi bị T chém thì ông M1 dùng dao chém lại vào vùng cổ, tay và vùng vai của T gây

thương tích. Sau đó, ông M1 bỏ chạy ra ngoài thì T cũng chạy ra ngoài sân rồi bị bắt giữ sau đó. Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Các kết quả trưng cầu giám định:

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 287/KLTTCT-TTPY ngày 17/7/2024 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh B (nay là tỉnh Đồng Nai) đối với Lê Văn T kết luận:

- Các kết quả chính:

+ Kết quả khám giám định: Sẹo cổ bên trái kích thước (5 x 0,1) cm, gọn, mềm, vận động cổ bình thường; sẹo sau ngoài vai trái kích thước (5 x 0,1) cm gọn, mềm; sẹo 1/3 trên, sau, ngoài cẳng tay trái (khuỷu trái) kích thước (3 x 2) cm lồi, mềm trên nền có vết trầy xước da trên diện (3 x 2) cm; sẹo 1/3 giữa, sau, cẳng tay trái kích thước (3 x 0,5) cm lồi, mềm trên nền có vết trầy xước da trên diện (2 x 1) cm; vùng ngực trái không thấy dấu vết tổn thương.

- Kết luận: Các vết thương có đặc điểm của tổn thương do vật có cạnh sắc tác động trực tiếp gây ra. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Văn T tại thời điểm giám định là 07%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 329/KLTTCT-TTPY ngày 09/8/2024 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh B (nay là tỉnh Đồng Nai) đối với Vũ Thị T1 kết luận:

- Các kết quả chính:

+ Kết quả khám giám định: Sẹo dọc trán đỉnh bên trái kích thước (10 x 0,2) cm gọn (1); vỡ xương thái dương đỉnh trái (1); máu tụ ngoài màng cứng giai đoạn mạm vùng thùy thái dương, đỉnh trái; sẹo từ thái dương đến má trái kích thước (11,5 x 0,1) cm gọn, dính (2); vết thương mặt mu cổ tay phải đứt gân duỗi chung các ngón và gân duỗi cổ tay trụ đã phẫu thuật nối gân, hiện vận động cổ tay hạn chế, sẹo hình chữ Y kích thước (6 x 0,1) cm và (2 x 0,1) cm gọn.

- Kết luận: Các tổn thương (1), (2) có đặc điểm của tổn thương do vật có cạnh sắc tác động tác động theo hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới; tổn thương (3) có đặc điểm của tổn thương do vật có cạnh sắc tác động trực tiếp gây ra và tác động theo hướng từ mặt mu tay sang mặt gan tay. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Vũ Thị T1 tại thời điểm giám định là 39%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 330/KLTTCT-TTPY ngày 09/8/2024 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh B (nay là tỉnh Đồng Nai) đối với Nguyễn Xuân M1 kết luận:

- Các kết quả chính:

+ Kết quả khám giám định: Tụ máu ngoài màng cứng trán cao bên phải, tụ khí nội sọ, vỡ lún sọ trán phải, có mảnh rời trong sọ dài 02cm. Hiện tại không di chứng; sẹo đỉnh phải kích thước (3 x 0,2) cm gọn, mềm; sẹo trán phải kích thước (4 x 0,1) cm; gãy cung tiếp gò má phải; sẹo thái dương phải xuống gò má phải kích thước (12 x 0,2) cm, gọn, mềm; sẹo má đến góc hàm phải, kích thước (9 x 0,2) cm gọn, mềm; sẹo má trái kích thước (8 x 0,1) cm gọn, mềm; sẹo ngực trái hình chữ Y kích thước (5 x 0,2) cm và (4,5 x 0,2) cm gọn, mềm; sẹo sau - ngoài khuỷu trái kích thước (9 x 0,1) cm; gẫy đầu gần xương bàn ngón I kích thước (5 x 0,2) cm; sẹo hình Z khớp đốt 1 ngón III trái, kích thước (6 x 0,2) cm mất gấp ngón III.

- Kết luận: Các vết thương có đặc điểm của tổn thương do vật có cạnh sắc tác động trực tiếp gây ra. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Xuân M1 tại thời điểm giám định là: 44%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Kết luận giám định số 754/KL-KTHS ngày 27/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh B (nay là tỉnh Đồng Nai), kết luận:

- Không tìm thấy dấu hiệu bị cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trong hai tập tin video gửi giám định ký hiệu A1 và A2;

- Trích xuất được 24.012 hình ảnh thể hiện diễn biến vụ việc trong hai tập tin video gửi giám định ký hiệu A1 và A2 (nội dung chi tiết thể hiện trong 2 tập tin có tên "dien bien vu viec.rar", dung lượng 3,44GB, mã MD5 "D76AB6A05E0686A47870AECA023F05BC" lưu trong đĩa DVD gửi kèm theo).

Bản Kết luận giám định ADN số 624 ngày 20/11/2024 của V – Bộ Y kết luận:

- Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên các đồ vật và dấu vết ký hiệu (a), (b), (c), (d), (e), (f), (h) gửi giám định: Dương tính.

- ADN thu từ các mẫu cần giám định ký hiệu b (mẫu dấu vết thu giữ tại vị trí số 2), f (mẫu dấu vết tại vị trí số 5), h (mẫu dấu vết tại vị trí số 6) trùng khớp hoàn toàn với ADN của Vũ Thị T1 trên tất cả các locus STR đã so sánh.

- ADN thu giữ các mẫu cần giám định ký hiệu a (mẫu dấu vết tại vị trí số 1), d (con dao dài 37cm) c (phần cán của con dao rựa dài 73cm) trùng khớp hoàn toàn với ADN của Nguyễn Xuân M1 trên tất cả các locus STR đã so sánh.

- ADN thu từ mẫu cần giám định ký hiệu e (dấu vết thu giữ từ vị trí số 04) có hiện diện đầy đủ các alen của Vũ Thị T1 và Nguyễn Xuân M1.

- ADN thu từ mẫu ký hiệu c (phần lưỡi của con dao rựa dài 73cm) có hiện diện đầy đủ các alen của Lê Văn T và Nguyễn Xuân M1.

* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu: Quá trình điều tra đã thu giữ:

- 01 mũ bảo hiểm màu xanh - trắng đã qua sử dụng; 01 quần Jean màu xanh, đã qua sử dụng; 01 áo thun màu đen đã qua sử dụng; 01 vết màu nâu đỏ (nghi là máu) dạng nhỏ giọt trên nền gạch, kích thước (kt) (60 x 70) cm bỏ trong bì thư có ghi chữ vị trí số 01; 01 dấu vết màu nâu đỏ (nghi là máu) trên ghế đá bỏ trong bì thư có ghi chữ vị trí số 02; 01 con dao (dạng dao dựa) dài 73cm; 01 con dao (dạng dao bầu) dài 37cm, trên dao phát hiện có dấu vết màu nâu đỏ (nghi là máu) ở vị trí số 3; 01 dấu vết màu nâu đỏ (nghi là máu) kt (0,8 x 0,6) m dạng nhỏ giọt trên nền nhà bỏ trong bì thư có ghi chữ vị trí số 04; 01 dấu vết màu nâu đỏ (nghi là máu) kt (0,6 x 0,85) m dạng vũng và nhỏ giọt đã khô bỏ trong bì thư có ghi chữ vị trí số 05; 01 dấu vết màu nâu đỏ (nghi là máu) dạng vũng và nhỏ giọt đã khô bỏ trong bì thư có ghi chữ vị trí số 06; 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE ALPHA màu đen bạc, biển số 68P1-15491 đã qua sử dụng; 10 sợi tóc của Lê Văn T, ông Nguyễn Xuân M1 và bà Vũ Thị T1;

* Xử lý vật chứng: Đối với mẫu tóc thu giữ của bị can Lê Văn T; các bị hại ông Nguyễn Xuân M1 và bà Vũ Thị T1; các dấu vết màu nâu đỏ (nghi là máu) đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

* Trách nhiệm dân sự: Vợ chồng bị hại là ông Nguyễn Xuân M1 và bà Vũ Thị T1 yêu cầu bị cáo Lê Văn T phải bồi thường chi phí khám chữa bệnh, ngày công lao động bị mất thu nhập, tiền tổn thất tinh thần tổng số tiền 1.415.139.897đ. Hiện nay, T chưa bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2025/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "Giết người".

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Văn T và bị hại Nguyễn Xuân M1, Vũ Thị T1. Buộc bị cáo Lê Văn T có trách nhiệm bồi thường số tiền 1.415.139.897 đồng cho người bị hại ông Nguyễn Xuân M1, bà Vũ Thị T1.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 54.454.196 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi xuất chậm trả và các quyền theo Luật Thi hành án dân sự, xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/9/2025, bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin giảm bồi thường phần trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày nguyên nhân dẫn đến bị cáo có hành vi vi phạm pháp luật, các tình tiết giảm nhẹ như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với phần bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại, tại phiên tòa giữa bị cáo và các bị hại Nguyễn Xuân M1, Vũ Thị T1 tự nguyện thỏa thuận bị cáo có trách nhiệm bồi thường chi phí khám chữa bệnh, ngày công lao động bị mất thu nhập, tiền tổn thất tinh thần..., cụ thể: Bị cáo bồi thường cho ông M1 500.000.000 đồng; bồi thường cho bà T1 500.000.000 đồng.

Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "*Giết người*" theo điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ theo luật định và xử phạt bị cáo 16 năm tù là phù hợp, tương xứng tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào tại cấp phúc thẩm nên đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo.

Đối với nội dung kháng cáo về trách nhiệm dân sự: Do tại phiên tòa, giữa bị cáo và 02 bị hại tự nguyện thỏa thuận hòa giải thành được với nhau, cụ thể: Bị cáo bồi thường cho ông M1 500.000.000 đồng; bồi thường cho bà T1 500.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Lê Văn T kháng cáo đúng quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự là đúng pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] Xét thấy: Do mâu thuẫn về việc gia đình ông Nguyễn Xuân M1 để bảng sửa xe máy lấn sang phần đất quán cà phê của nhà chị Huỳnh Thị T2 (là bạn gái của Lê Văn T) nên khoảng 17 giờ 30 phút ngày 10/6/2024, sau khi T đi uống nhiều rượu về giữa T với vợ chồng ông M1, bà Vũ Thị T1 xảy ra xô xát cãi nhau, T bị ông M1 dùng cán rựa thục nhiều cái vào vùng bụng nhưng không gây thương tích, sau đó được mọi người can ngăn hai bên nên không tiếp tục xô xát cãi nhau nữa. Tuy nhiên, do vẫn còn tức giận và trong người đã uống nhiều rượu nên T chạy vào trong nhà chị T2, xuống khu vực bếp lấy 01 con dao (dạng dao bầu) bằng kim loại dài 37cm, phần cán dao hình tròn dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại có mũi nhọn dài 24cm, phần rộng nhất của bản dao rộng 11cm chạy sang nhà ông M1, bất ngờ cầm dao chém vào vùng đầu (là vùng trọng yếu trên cơ thể) của bà Vũ Thị T1 gây thương tích 39%, sau đó T tiếp tục cầm dao chém vào vùng đầu, tay của ông M1 gây thương tích 44%. Khi bị T dùng dao chém, ông M1 đã dùng rựa chống trả, chém lại T vào vùng cổ, lưng và tay trái của T gây thương tích cơ thể 07%.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội: "*Giết người*" với hai tình tiết định khung hình phạt là "*Giết 02 người trở lên*" và "*Có tính chất côn đồ*" theo điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo:

Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Mặc dù bị cáo không phải là chủ quán cà phê, chỉ là bạn của chị T2 (là người thuê mặt bằng bán quán cà phê); tuy nhiên bị cáo lại vô cớ bực tức do gia đình bị hại là ông M1 để bảng hiệu sửa xe máy lấn sang phần đất quán cà phê của chị T2, bị cáo đã qua nhà ông Mai C cãi xô xát qua lại; mặc dù đã được mọi người can ngăn, bị cáo lại về quán của chị T2 lấy dao quay sang nhà ông M1 chém bà T1, ông M1 gây thương tích nặng thể hiện tính côn đồ, càn quấy. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử vào năm 2016 về tội trộm cắp tài sản. Trong vụ án này, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng dao bầu lớn là hung khí nguy hiểm, chém vào vùng đầu của hai người bị hại là vùng nguy hiểm, trọng yếu trong cơ thể con người có thể dẫn đến chết người, tuy bị cáo không mong muốn nhưng vẫn có ý thức

bỏ mặc cho hậu quả xảy ra. Các bị hại không chết do được mọi người đưa đi cấp cứu kịp thời.

Xét thấy bị cáo phạm tội chưa đạt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá khách quan, toàn diện các tình tiết của vụ án, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, xử phạt bị cáo 16 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tính tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Về kháng cáo xin giảm bồi thường trách nhiệm dân sự cho người bị hại:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại là ông Nguyễn Xuân M1 và bà Vũ Thị T1 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại liên quan đến các chi phí khám chữa bệnh, ngày công lao động bị mất thu nhập, tiền bù đắp về tổn thất tinh thần với tổng số tiền gộp chung của cả hai người là 1.415.139.897 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền nói trên nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền bồi thường thiệt hại nêu trên. Xét thấy: khách thể bị hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm là 02 người bị hại khác nhau, thương tích khác nhau, cụ thể bị hại T1 có thương tích 39%, bị hại M1 có thương tích 44%. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định cụ thể thiệt hại của từng người bị hại để có cơ sở xem xét bồi thường là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây khó khăn trong thi hành án.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phổ biến cho bị cáo và bị hại về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các bên liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hoà giải thành để họ tự nguyện thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Giữa bị cáo và 02 bị hại tự nguyện thỏa thuận hòa giải thành được với nhau, cụ thể: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông M1 500.000.000 đồng, bồi thường cho bà T1 500.000.000 đồng. Xét thấy nội dung thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[6] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn T; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2025/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về phần hình phạt.

2. Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Sửa phần trách nhiệm dân sự và án phí sơ thẩm dân sự của Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2025/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai như sau:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường chi phí khám chữa bệnh, ngày công lao động bị mất thu nhập, tiền tổn thất tinh thần..., cụ thể: Bị cáo bồi thường cho ông Nguyễn Xuân M1 500.000.000 đồng; bồi thường cho bà Vũ Thị T1 500.000.000 đồng.

Án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và 42.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Xuân

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT$KSXXPT tại TP. HCM
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam số 2 Công an Đồng Nai "để tống đạt cho bị cáo";
- Bị hại;
- Lưu: VP (5), HS (2), 17b (Án -09).